TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 6 - 2021
V/v ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nông Thanh Tùy- Cán hộ hưu trí thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Phạm Xuân Mỹ- Hiệu trưởng trường Dân tộc nội trú huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lường – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 157/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị S, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Hữu T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị S trình bày:

Bà Đỗ Thị S và ông Trần Hữu T tự do tìm hiểu, yêu thương nhau và đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 14/8/2012.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng sau này chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do hai bên chưa tìm hiểu kỹ về nhau nên không hợp nhau, mặc dù đã cố gắng nhưng vợ chồng không hòa hợpthường xảy ra cãi nhau nên sống ly thân với nhau từ đầu năm 2014 đến nay. Bà S nhận thấy không thể quay lại để tiếp tục chung sống với ông Tùng, mục đích hôn

nhân không đạt được nên bà S đề nghị Tòa án giải quyết cho bà S được ly hôn với ông Trần Hữu T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà S và ông Tùng có 01 (Một) con chung là: Trần Hữu Đăng K, sinh ngày 21/12/2012.

Do cháu K đã sinh sống với ông Trần Hữu T từ nhỏ, bà S không muốn làm xáo trộn cuộc sống của cháu K nên có nguyện vọng xin được giao cháu Trần Hữu Đăng K cho ông Trần Hữu T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đỗ Thị S chấp nhận cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

- Về nợ chung, tài sản chung: Bà Đỗ Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai bị đơn ông Trần Hữu T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hữu T và bà Đỗ Thị S tự do tìm hiểu, yêu thương nhau và đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 14/8/2012.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng từ khi ông T bị tai nạn giao thông năm 2013 thì bà S không chăm sóc, chia sẻ khó khăn cùng ông T mà tự ý bỏ nhà đi và để lại con nhỏ cho ông T một mình chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay.

Nay bà Đỗ Thị S làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T nhận thấy vợ chồng đã ly thân thời gian dài nên không còn tình cảm với nhau, không thể quay lại chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T đồng ý ly hôn với bà Đỗ Thị S.

- Về con chung: Ông Trần Hữu T xác nhận có 01 (Một) con chung là: Trần Hữu Đăng K, sinh ngày 21/12/2012. Cháu K đã sinh sống với ông Trần Hữu T từ nhỏ nên ông T có nguyện vọng xin được tiếp tục nhận nuôi cháu Trần Hữu Đăng K cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Hữu T yêu cầu bà Đỗ Thị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

- Về nợ chung, tài sản chung: Ông Trần Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định của Pháp luật.

- Về nội dung: Qua các các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khản 1

Điều 39 BLTTDS. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đỗ Thị S được ly hôn với ông Trần Hữu T.

Về con chung: Giao cháu Trần Hữu Đăng K, sinh ngày 21/12/2012 cho ông Trần Hữu T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đỗ Thị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Trần Hữu Đăng K với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Bà Đỗ Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với ông Trần Hữu T có nơi cư trú tại Thôn T , xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là Ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn ông Trần Hữu T đều vắng mặt.Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 BLTTDS, HĐXX xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị S với ông Trần Hữu T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 14/8/2012. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Do bất đồng quan điểm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù hai bên đã cố gắng nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2013 cho đến nay nhưng hai bên không có biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ông Trần Hữu T cũng đồng ý ly hôn , đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên họp và phiên hòa giải ông T vắng mặt, bà S vẫn yêu cầu tiếp tục giải quyết vụ án. HĐXX xét thấy, tình trạng vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông T cũng đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần chấp nhận bà Đỗ Thị S được ly hôn ông Trần Hữu T.

[2.2] Về con chung: Có 01 (Một) con chung là: Trần Hữu Đăng K, sinh ngày 21/12/2012. Cháu K đã sinh sống với ông Trần Hữu T từ nhỏ nên ông Tùng có nguyện vọng xin được tiếp tục nhận nuôi cháu Trần Hữu Đăng K cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Bà Đỗ Thị S đồng ý giao cháu K cho ông Tùng nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn là chính đáng và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa

thành niên. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX giao cháu K cho ông Tùng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Hữu T yêu cầu bà Đỗ Thị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Bà Đỗ Thị S đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi nên cần chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Thị S và ông Trần Hữu T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Đỗ Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên cần chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 Điều 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị S:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị S được ly hôn với ông Trần Hữu T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Hữu Đăng K, sinh ngày 21/12/2012 cho ông Trần Hữu T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Bà Đỗ Thị S được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đỗ Thị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Trần Hữu Đăng K, sinh ngày 21/12/2012 theo mức 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về nợ chung và tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0006275 ngày 15/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi khấu trừ, bà Đỗ Thị S phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

3. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- UBND xã H, huyện K;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thanh Hà